

Số: *917* /QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin
Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 2.0**

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8933/VPCP-KGVX ngày 29/10/2015 và Công văn số 1710/VPCP-KGVX ngày 16/03/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện tin học hoá trong khám chữa bệnh BHYT; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 102/TB-VPCP ngày 27/03/2015, Thông báo số 205/TB-VPCP ngày 23/06/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc tin học hoá trong bảo hiểm y tế;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1018/TTg-KGVX ngày 10/06/2016 về việc tăng cường phát triển, mở rộng đối tượng tham gia BHYT và tin học hóa công tác giám định, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT;

Căn cứ Quyết định số 3582/QĐ-BHXH ngày 26/12/2006 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định về quản lý hoạt động công nghệ thông tin trong hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 2.0 (có tài liệu hướng dẫn liên thông và đặc tả dữ liệu kèm theo).

Điều 2. Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 2.0 thuộc bản quyền của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, là một phần mềm trong hệ thống phần mềm ứng dụng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 324/QĐ-BHXXH ngày 02/03/2016 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 1.0. Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Trưởng ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *zh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vương Đình Huệ (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Y tế (để p/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BHXH Bộ Quốc phòng;
- BHXH Bộ Công an;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, CNTT, DADTXD (5b). *na*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM



TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN LIÊN THÔNG VÀ ĐẶC TẢ DỮ LIỆU HỆ THỐNG THÔNG TIN GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXX ngày / /2016 Về việc Ban hành
Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 2.0)

Phiên bản tài liệu: 2.0

Mục lục

I. Giới thiệu	5
1. Giới thiệu chung	5
2. Quy định về định dạng dữ liệu	5
3. Mô hình tổng thể kết nối hệ thống	5
II. Các hình thức liên thông dữ liệu.....	6
1. Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận	6
1.1. Hàm lấy phiên làm việc.....	6
1.2. Hàm gửi hồ sơ giám định	7
1.3. Hàm gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo hàng tháng/quý (79a, 80a; 19,20,21/BHYT)..	9
1.4. Hàm kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh.....	10
1.5. Hàm lấy lịch sử khám chữa bệnh chi tiết	12
1.6. Hàm gửi hồ sơ chuyển tuyến.....	13
1.7. Hàm nhận hồ sơ chuyển tuyến	15
1.8. Hàm nhận kết quả tiếp nhận hồ sơ	16
1.9. Hàm nhận chi tiết hồ sơ trong ngày.....	17
1.10. Hàm nhận chi tiết lỗi hồ sơ	18
1.11. Hàm nhận danh sách đợt giám định trong tháng	20
1.12. Hàm nhận kết quả giám định hồ sơ	21
1.13. Hàm nhận quyết toán tháng quý.....	22
2. Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng liên thông dữ liệu	23
2.1. Đăng nhập vào hệ thống.....	23
2.2. Nhập hồ sơ XML.....	24
2.3. Nhập hồ sơ tổng hợp	25
3. Chương trình đồng bộ dữ liệu	26
3.1. Chuẩn bị dữ liệu	26
3.2. Cấu hình đồng bộ	27
3.3. Đồng bộ hồ sơ đề nghị thanh toán.....	28
III. Chuẩn dữ liệu	28
1. Quy ước biểu diễn dữ liệu và đặt namespace	28
2. Hồ sơ khám chữa bệnh	29
3. Hồ sơ báo cáo tổng hợp 79a, 80a	31
4. Hồ sơ báo cáo tổng hợp mẫu 19/BHYT, 20/BHYT, 21/BHYT	34

4.1. Thống kê vật tư y tế thanh toán BHYT (Mẫu 19)	34
4.2. Thống kê thuốc thanh toán BHYT	34
4.3. Thống kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán BHYT	35
5. Giấy chuyển tuyến.....	35
5.1. Mô tả các thẻ tổng hợp chính	35
5.2. Thông tin người bệnh	39
5.3. Thông tin thẻ bảo hiểm y tế.....	40
5.4. Tóm tắt lịch sử khám chữa bệnh	41
5.5. Tóm tắt bệnh án.....	42
5.6. File đính kèm.....	43
6. Hồ sơ danh mục.....	43
6.1. File hồ sơ danh mục DVKT CSKCB gửi	43
6.2. File hồ sơ danh mục Thuốc CSKCB gửi.....	44
6.3. File hồ sơ danh mục VTYT CSKCB gửi	45
IV. Mô tả định dạng các file XML theo quy định tại công văn 9324/BYT-BH, được mã hóa thành nội dung file kèm theo file XML tại mục III.2.....	47
1. File hồ sơ tổng hợp thông tin bệnh nhân (XML1)	47
2. File hồ sơ chi tiết Thuốc (XML2)	51
3. File hồ sơ chi tiết DVKT (XML3)	53
4. File hồ sơ cận lâm sàng (XML4).....	54
5. File hồ sơ chi tiết diễn biến (XML5).....	55
Phụ lục 1: Danh mục lỗi	57
Phụ lục 2: Code mẫu cho Webservice.....	58
1. Ví dụ lấy phiên làm việc.....	58
2. Ví dụ gửi hồ sơ giám định.....	58
3. Ví dụ gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo tháng.....	58
Phụ lục 4: Mô tả đối tượng trả về của Web Service.....	59

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Thuật ngữ	Ý nghĩa	Ghi chú
GW	Gateway: Cổng tiếp nhận hồ sơ	
BHXXH	Bảo hiểm xã hội	
CSKCB	Cơ sở khám chữa bệnh	
GD	Giám định	
HS	Hồ sơ	
TP	Thành phố	
HTTP	The Hypertext Transfer Protocol	
XML	Extensible Markup Language	
VTYT	Vật tư y tế	
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật	
KCB	Khám chữa bệnh	
BHYT	Bảo hiểm y tế	

I. Giới thiệu

1. Giới thiệu chung

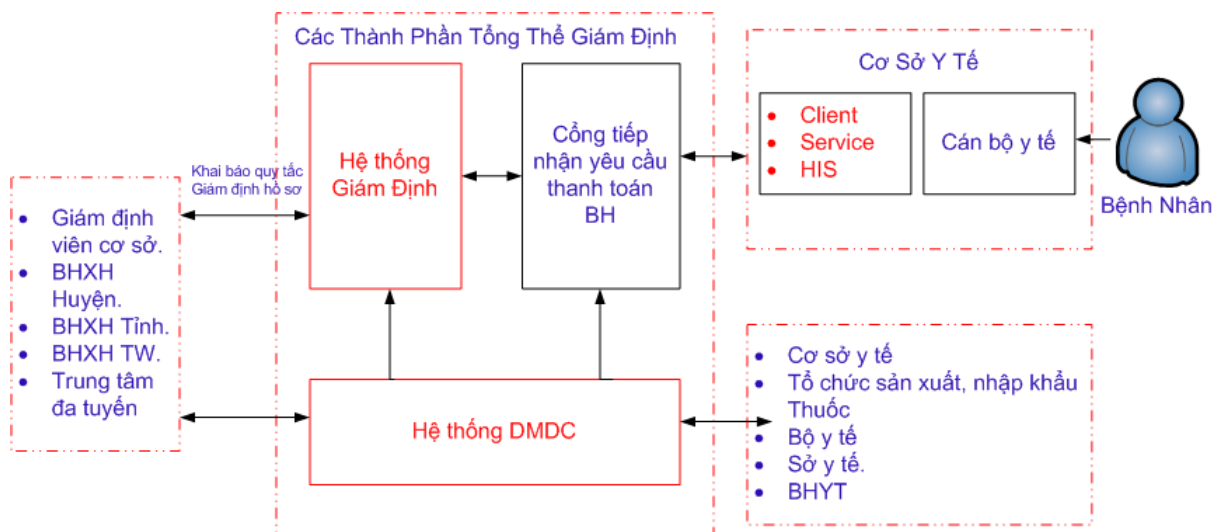
Tài liệu hướng dẫn liên thông và đặc tả dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là Tài liệu hướng dẫn) là tài liệu mô tả chuẩn liên thông dữ liệu từ cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan BHXH cấp tỉnh đến Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hướng dẫn cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan BHXH cấp tỉnh cách thức liên thông dữ liệu đã được chuẩn hoá tới Hệ thống thông tin Giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Quy định về định dạng dữ liệu

- Quy định về số thập phân:

- Dùng dấu chấm “.” để phân cách hàng đơn vị và phần thập phân. Ví dụ: 12345.67
- Làm tròn theo quy tắc làm tròn số toán học.

3. Mô hình tổng thể kết nối hệ thống



Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế bao gồm:

- Hệ thống Tiếp nhận yêu cầu thanh toán BHYT
- Hệ thống Giám định BHYT
- Hệ thống Danh mục dùng chung

II. Các hình thức liên thông dữ liệu

Hệ thống thông tin Giám định BHYT hiện tại cung cấp 3 hình thức tiếp nhận hồ sơ:

- Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận: Hình thức này hỗ trợ gửi hồ sơ khám chữa bệnh, hồ sơ giám định danh mục, gửi báo cáo tháng, kiểm tra thông tin thẻ, kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh, tiếp nhận giấy chuyển tuyến từ CSKCB khác.
- Đồng bộ dữ liệu từ phần mềm client: Hình thức này hỗ trợ đồng bộ hồ sơ khám chữa bệnh lên hệ thống.
- Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng tiếp nhận: Hình thức này cho phép hỗ trợ nhập thông tin hồ sơ khám chữa bệnh.

Ngoài ra, hệ thống liên thông dữ liệu còn cung cấp công cụ kiểm tra thông tin thẻ BHYT và tra cứu lịch sử KCB (phục vụ quản lý thông tuyến KCB), kiểm tra giấy chuyển tuyến giữa các CSKCB.

1. Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận

Hệ thống sử dụng chuẩn kết nối là Web Service định dạng JSON.

1.1. Hàm lấy phiên làm việc

1.1.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/token/take
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Form data	Đối tượng “ApiToken” bao gồm { “username”: { username }, “password”: {password } }

Cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi yêu cầu cấp phiên làm việc lên hệ thống tiếp nhận hồ sơ. Hệ thống sẽ trả về Token tương ứng với phiên làm việc.

1.1.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự	Tên đăng nhập vào hệ thống, do BHXH VN cung cấp, trường bắt

Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự	buộc Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do BHXH VN cung cấp, trường bắt buộc
----------	----------	-------------	---

1.1.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó:

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi xác thực

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + APIKey: object bao gồm (= null nếu không thành công) <pre>{ - access_token: Token được sử dụng cho bước 2 - id_token: Mã client ID để sử dụng cho bước 2 - expires_in: Thời gian hết hạn của của token (giờ GMT), sau thời gian này thì token của lần đăng nhập sẽ không được xác thực. Cần phải đăng nhập lại để lấy token mới - token_type: bear }</pre> <p>(Tham khảo mục 1.4.3.2)</p>

1.2. Hàm gửi hồ sơ giám định

1.2.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/guiHoSoGiamDinh
Request Method	POST

Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maTinh={maTinh}&maCSKCB={maCSKCB} (Tham khảo mục 1.2.2)
Form data	“fileHS” : {fileHS} (Tham khảo mục 1.2.2)

Cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi hồ sơ giám định và nhận thông báo xác nhận kết quả nhận hồ sơ giám định của cơ quan Bảo hiểm qua hệ thống.

1.2.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File XML, Trường bắt buộc
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Int	Loại hồ sơ: 3: KCB
Mã Tỉnh	maTinh	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.2.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:400	BadFormat: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + maGiaoDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này

1.3. Hàm gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo hàng tháng/quý (79a, 80a; 19,20,21/BHYT)

1.3.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/guiHoSoTongHop
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maTinh={maTinh}&maCSKCB={maCSKCB} (Tham khảo mục 1.3.2)
Form data	“fileHS” : {fileHS} (Tham khảo mục 1.3.2)

Cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi hồ sơ báo cáo tháng và nhận thông báo xác nhận kết quả nhận hồ sơ báo cáo của cơ quan Bảo hiểm qua hệ thống.

1.3.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File excel, Trường bắt buộc
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	Loại hồ sơ: Hồ sơ 79a/80a: 5, Mẫu 19/BHYT: 6, Mẫu 20/BHYT: 7, Mẫu 21/BHYT: 8
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.3.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:

- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + maGiaoDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này

1.4. Hàm kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh**1.4.1. Mô tả**

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanLichSuKCB
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password} (Tham khảo mục 1.4.2)
Form data	Đối tượng “theBHYT” bao gồm { “maThe”: { mã thẻ }, “hoTen”: { họ tên }, “ngaySinh”: { ngày sinh }, “gioiTinh”: { giới tính }, “maCSKCB”: { mã cơ sở khám chữa bệnh }, “ngayBD”: { ngày bắt đầu }, “ngayKT”: { ngày kết thúc } } (Tham khảo mục 1.4.2)

Cơ sở khám chữa bệnh kiểm tra tính đúng đắn của thông tin thẻ của bệnh nhân.

1.4.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Mã thẻ	maThe	Chuỗi ký tự	Mã thẻ
Họ tên	hoTen	Chuỗi ký tự	Họ tên chủ thẻ
Ngày sinh	ngaySinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioiTinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Ngày bắt đầu	ngayBD	Chuỗi ký tự	Ngày bắt đầu hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Ngày kết thúc	ngayKT	Chuỗi ký tự	Ngày kết thúc hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB ban đầu
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.4.3. Thông điệp trả lời**Cấu trúc:**

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + dsLichSuKCB: Danh sách object, mỗi object bao gồm (= null nếu thông tin thẻ chính xác)

	<pre> { - maHoSo: mã hồ sơ, để tra cứu thông tin chi tiết - maCSKCB: mã cơ sở khám chữa bệnh , - tuNgay: từ ngày , - denNgay: đến ngày , - tenBenh: tên bệnh , - tinhTrang: tình trạng ra viện, - kqDieuTri: kết quả điều trị } (Tham khảo mục 1.4.3.2) </pre>
--	--

1.4.3.1. Mô tả kết quả trả về:

Mã kết quả	Mô tả
00	Thông tin thẻ chính xác
01	Thẻ hết giá trị sử dụng
02	KCB khi chưa đến hạn
03	Hết hạn thẻ khi chưa ra viện
04	Thẻ có giá trị khi đang nằm viện
05	Mã thẻ không có trong dữ liệu thẻ
06	Thẻ sai họ tên
07	Thẻ sai ngày sinh
08	Thẻ sai giới tính
09	Thẻ sai nơi đăng ký KCB ban đầu

1.5. Hàm lấy lịch sử khám chữa bệnh chi tiết

1.5.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanHoSoKCBChiTiet
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maHoSo={maHoSo} (Tham khảo mục 1.5.2)
Form data	

1.5.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Mã hồ sơ	maHoSo	Chuỗi ký tự	Mã hồ sơ nhận từ hàm 1.4
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập

Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.5.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + hoSoKCB: object bao gồm (= null nếu thông tin thẻ chính xác) <pre>{ - xml1 - dsXml2 - dsXml3 - dsXml4 - dsXml5 }</pre> <p>(Tham khảo Phụ lục 4 - “Đối tượng hồ sơ khám chữa bệnh chi tiết”)</p>

1.6. Hàm gửi hồ sơ chuyển tuyến

1.6.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/guiHoSoChuyenTuyen
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json

Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCBGui{ maCSKCBGui } (Tham khảo mục 1.6.2)
Form data	“fileHS” : {fileHS} (Tham khảo mục 1.6.2)

1.6.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File XML, Trường bắt buộc
Mã CSKCB gửi	maCSKCBGui	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đến (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.6.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + maGiaoDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này

1.7. Hàm nhận hồ sơ chuyển tuyến

1.7.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanHoSoChuyenTuyen
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCBNhan={maCSKCBNhan}&maTheBHYT={maTheBHYT} (Tham khảo mục 1.7.2)
Form data	

1.7.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Mã thẻ BHYT	maTheBHYT	Chuỗi ký tự	Mã thẻ bảo hiểm y tế
Mã CSKCB nhận	maCSKCBNhan	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đến (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.7.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
--------	---------

Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + fileHoSoChuyenTuyen: Base64String của file xml

1.8. Hàm nhận kết quả tiếp nhận hồ sơ

1.8.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanKQTiepNhanHS
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maCSKCB={maCSKCB}&tuNgay={tuNgay}&denNgay={denNgay}
Form data	

1.8.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Từ ngày	tuNgay	Chuỗi ký tự	Từ ngày (DD/MM/YYYY)
Đến ngày	denNgay	Chuỗi ký tự	Đến ngày (DD/MM/YYYY)
Mã CSKCB gửi	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB gửi hồ sơ (Quy định 5084)
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Int	Loại hồ sơ: 3: Hồ sơ KCB, 5: Hồ sơ 79/80a, 6: Hồ sơ 19, 7: Hồ sơ 20, 8: Hồ sơ 21, 9: Hồ sơ giấy chuyển tuyến
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.8.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.

- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + dsKQGuiHosoNgay: Danh sách object kết quả gửi hồ sơ theo ngày, mỗi object gồm <ul style="list-style-type: none"> - ngayGui: ngày gửi hồ sơ - tongSo: tổng số hồ sơ gửi lên - soHSThanhCong: số hồ sơ thành công - soHSLoi: số hồ sơ lỗi - tongTien: Tổng tiền thành công

1.9. Hàm nhận chi tiết hồ sơ trong ngày

1.9.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanChiTietHSNgay
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maCSKCB={maCSKCB}&ngayGui={ngayGui}
Form data	

1.9.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Ngày gửi	ngayGui	Chuỗi ký tự	Ngày gửi hồ sơ (DD/MM/YYYY)
Mã CSKCB gửi	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB gửi hồ sơ (Quy định 5084)
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Int	Loại hồ sơ: 3: Hồ sơ KCB, 5: Hồ sơ 79/80a, 6: Hồ sơ 19, 7: Hồ sơ 20, 8: Hồ sơ 21, 9: Hồ sơ giấy chuyển tuyến

Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.9.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + dsHoSo: Danh sách object chi tiết giao dịch lỗi theo ngày, mỗi object gồm <pre>{ - ngayGui: ngày gửi hồ sơ - maGiaoDich: mã giao dịch - soLuongHoSo: Số lượng hồ sơ - slHoSoDung: Số lượng hồ sơ đúng - slHoSoLoi: Số lượng hồ sơ lỗi - tongTien: Tổng tiền - miuTa: Miêu tả }</pre>

1.10. Hàm nhận chi tiết lỗi hồ sơ

1.10.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanChiTietLoiHS
-------------	---

Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCB={maCSKCB}&maGiaoDich={maGiaoDich}
Form data	

1.10.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Mã giao dịch	maGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch nhận được từ service 1.10
Mã CSKCB gửi	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB gửi hồ sơ (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.10.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + dsLoi: Danh sách object lỗi của giao dịch, mỗi object gồm

	<pre>{ - maLoi: Mã lỗi - moTaLoi: mô tả Lỗi }</pre>
--	---

1.11. Hàm nhận danh sách đợt giám định trong tháng

1.11.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanDSDotGDThang
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCB={maCSKCB}&nam={nam}&thang={thang} (Tham khảo mục 1.12.2)
Form data	

1.11.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Tháng	thang	Số	Tháng giám định
Năm	nam	Số	Năm giám định
Mã CSKCB gửi	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB gửi hồ sơ (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.11.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + dsDotGD: Danh sách object chi tiết đợt giám định, mỗi object gồm <ul style="list-style-type: none"> - tenDotGD: Tên đợt giám định - maDotGD: Mã đợt giám định - thangGD: Tháng giám định - namGD: Năm giám định - loaiGD: loại giám định - ngayTao: Ngày tạo

1.12. Hàm nhận kết quả giám định hồ sơ

1.12.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanKQGDHoSo
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCB={maCSKCB}&maDotGD={maDotGD} (Tham khảo mục 1.13.2)
Form data	

1.12.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Mã đợt giám định	maDotGD	Chuỗi ký tự	Mã đợt giám định đã nhận được
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.12.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + fileBase64String: Base64String của file

1.13. Hàm nhận quyết toán tháng quý**1.13.1. Mô tả**

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanQuyếtToanThangQuy
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&maCSKCB={maCSKCB}&nam={nam}&loaiQT={loaiQT}&giaTri={giaTri} (Tham khảo mục 1.14.2)
Form data	

1.13.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Tên Field	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
Loại quyết toán	loaiQT	Số	Loại quyết toán: 0: tháng, 1: quý
Giá trị	giaTri	Số	Tương ứng với loại quyết toán
Năm	Nam	Số	Năm quyết toán
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập

Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.13.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Kết quả
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- **Trường hợp thành công:** Hệ thống trả về:

Trường	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + fileBase64String: Base64String của file

2. Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng liên thông dữ liệu

2.1. Đăng nhập vào hệ thống

Người dùng truy cập vào địa chỉ: <http://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn>

Bước 1: Nhập tài khoản và mật khẩu tương ứng người dùng được cấp.

Bước 2: Enter hoặc click vào đăng nhập để truy cập vào hệ thống.

2.2. Nhập hồ sơ XML

Vào phần « Quản lý khám chữa bệnh » : Chọn « Nhập hồ sơ khám ngoại trú »

Nhập thông tin :

Tên chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	BHYT Thanh toán	Nguồn khác	BN thanh toán

Bước 1: Nhập thông tin hành chính

Bước 2 : Nhập thông tin khám chữa bệnh bao gồm :

Bước 3: Nhập Thông tin chung

Bước 4: Nhập công khám

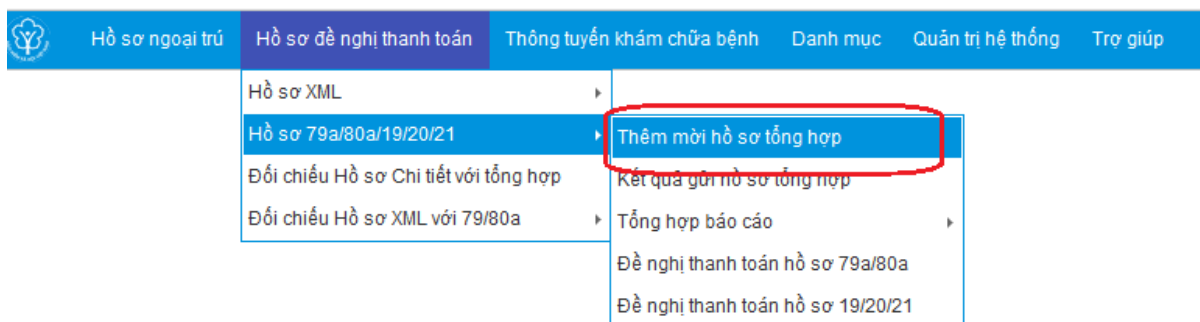
Bước 5: Nhập chi phí thuốc/DVKT/VTYT

Bước 6: Lựa chọn « Lưu » để lưu dữ liệu

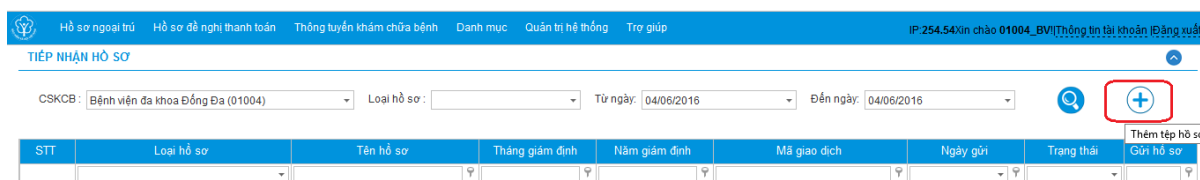
2.3. Nhập hồ sơ tổng hợp

Tải lên file XML theo định dạng được quy định ở Mục III và IV

Bước 1: Lựa chọn Hồ sơ nhận từ file



Chọn nút “Thêm tệp hồ sơ”



Bước 2: Thêm tệp hồ sơ

Bước 3: Lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh

Thêm mới hồ sơ khám chữa bệnh

Cơ sở KCB: Bệnh viện đa khoa Đồng Đa (01004)
 Tháng QT: 6 Năm QT: 2016
 Loại hồ sơ: Hồ sơ 79/80A
 Tệp đính kèm: Chọn

Lưu file

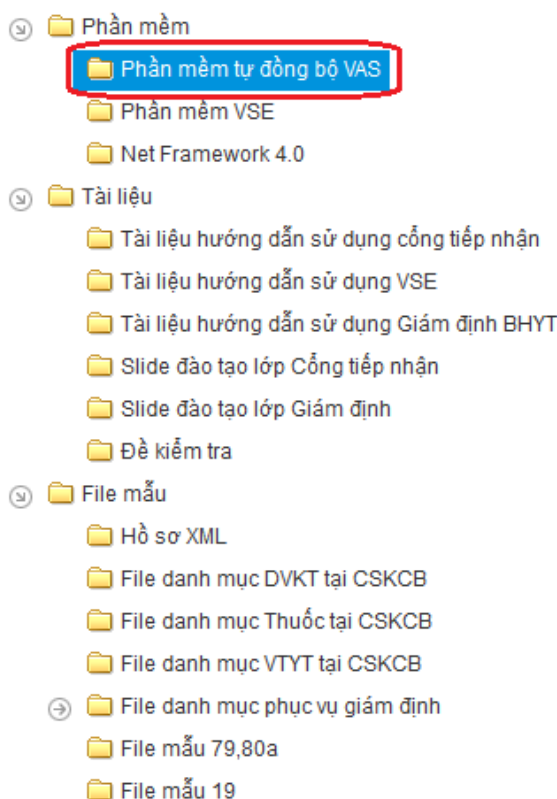
Bước 4: Lựa chọn loại hồ sơ: Hồ sơ 79a/80a/19/20/21

Bước 5: Chọn file hồ sơ định dạng excel

Bước 6: Nhấn “Lưu file” để tải hồ sơ lên.

3. Chương trình đồng bộ dữ liệu

Tải chương trình đồng bộ trên trang <http://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn/>



Bước 1 : Vào phần Trợ giúp, Tải phần mềm

Bước 2 : Nhấn vào « Phần mềm tự động đồng bộ VAS » để tải phần mềm đồng bộ

Ghi chú :

Trước khi cài đặt chương trình cần chắc chắn là Net Framework 4.0 đã được cài đặt. Trường hợp chưa được cài đặt, chọn tải về Net Framework 4.0 và cài đặt.

Bước 1 : Vào phần trợ giúp, Tải phần mềm

Bước 2 :

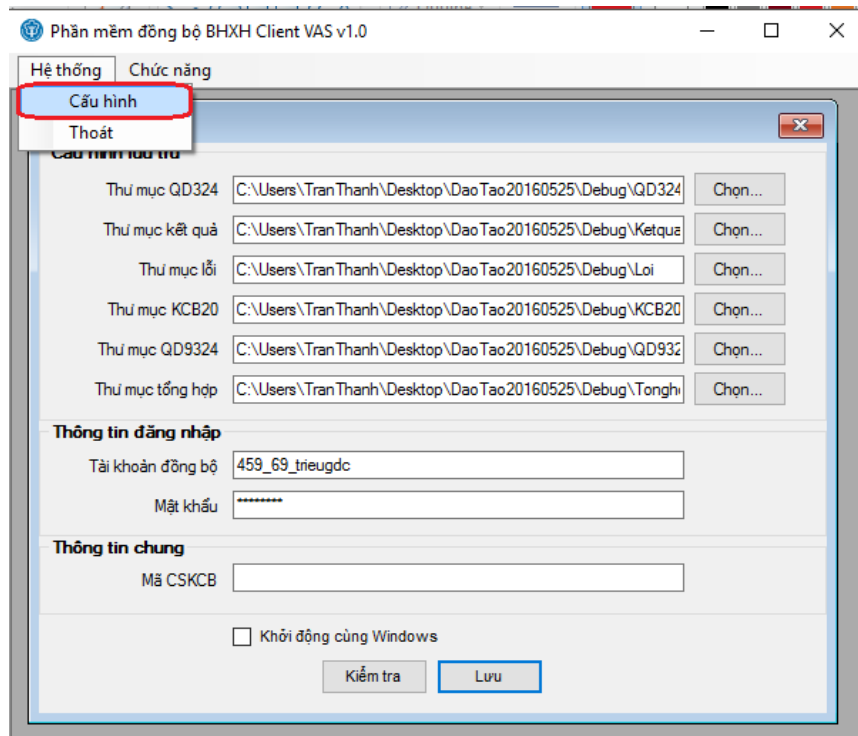
3.1. Chuẩn bị dữ liệu

Cơ sở khám chữa bệnh phải chuẩn bị các hồ sơ cần thiết để có thể đồng bộ lên hệ thống giám định của ngành.

Trong thời gian phần mềm của cơ sở KCB chưa tích hợp được lên cổng tiếp nhận thì cơ sở KCB chỉ cần xuất ra file XML có định dạng đúng như quy định ở phần IV và lưu vào 1 thư mục. Chương trình đồng bộ dữ liệu sẽ tự động quét thư mục để tải dữ liệu lên cổng tiếp nhận.

3.2. Cấu hình đồng bộ

Bật chương trình đồng bộ để thực hiện cấu hình.



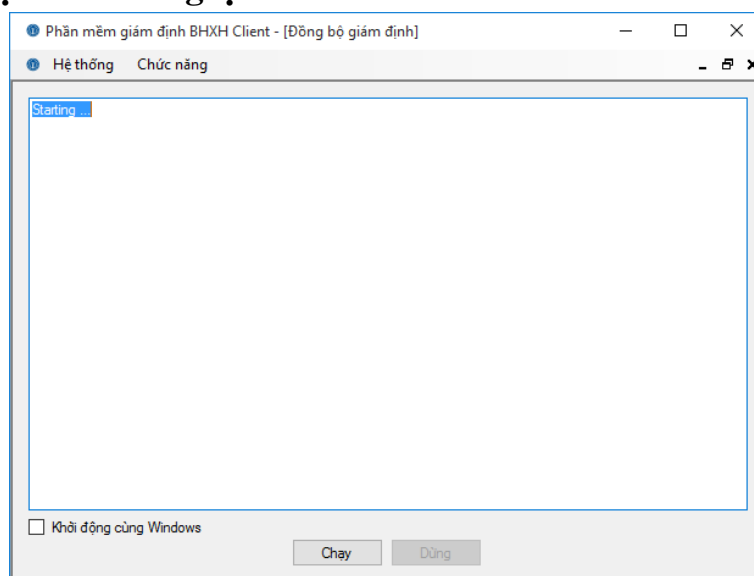
Có 6 thư mục cần cấu hình trước khi thực hiện đồng bộ :

- Thư mục QD324 : Chứa các file xuất ra theo quyết định 324
- Thư mục kết quả : Chứa các file gửi thành công lên hệ thống tiếp nhận hồ sơ
- Thư mục lỗi : Chứa các file gửi thất bại lên hệ thống tiếp nhận hồ sơ.
- Thư mục KCB20 : Chứa các file xuất ra từ phần mềm khám chữa bệnh của ngành (HMS, Viện phí 2.0)
- Thư mục QD9324 : Chứa các file xuất ra quyết định 9324. Đây là định dạng 5 file chứa thông tin KCB của bệnh nhân.
 - o Tên 5 file sẽ là :
 - o XML1: XML1_MCSKCB_NamQTThangQT_....xml Ví dụ : XML1_01004_201605_BENHNHAN1.xml Nghĩa là : File dữ liệu tổng hợp của bệnh viện Đồng Đa đề nghị quyết toán tháng 5 năm 2016.
 - o XML2: XML2_MCSKCB_NamQTThangQT_....xml Ví dụ : XML2_01004_201605_BENHNHAN1.xml Nghĩa là : File dữ liệu thuốc của bệnh viện Đồng Đa đề nghị quyết toán tháng 5 năm 2016.
 - o XML3: XML3_MCSKCB_NamQTThangQT_....xml Ví dụ : XML5_01004_201605_BENHNHAN1.xml Nghĩa là : File dữ liệu vật tư y tế và DVKT của bệnh viện Đồng Đa đề nghị quyết toán tháng 5 năm 2016.
 - o XML4: XML4_MCSKCB_NamQTThangQT_....xml Ví dụ : XML5_01004_201605_BENHNHAN1.xml Nghĩa là : File dữ liệu kết quả cận lâm sàng của bệnh viện Đồng Đa đề nghị quyết toán tháng 5 năm 2016.

- XML5: XML5_MCSKCB_NamQTThangQT_....xml Ví dụ : XML5_01004_201605_BENHNHAN1.xml Nghĩa là : File dữ liệu diễn biến lâm sàng của bệnh viện Đồng Đa đề nghị quyết toán tháng 5 năm 2016.
- Thư mục tổng hợp : Chứa các file tổng hợp gồm 79a,80a/19/20/21, trong đó quy tắc đặt tên file là :
 - Thống kê vật tư mẫu số 19: 19_MCSKCB_NamQTThangQT_....xlsx Ví dụ : 19_01004_201605_BENHNHAN1.xlsx Nghĩa là : File dữ liệu thống kê vật tư thanh toán BHYT tháng 5 năm 2016.
 - Thống kê vật tư mẫu số 20: 20_MCSKCB_NamQTThangQT_....xlsx Ví dụ : 20_01004_201605_BENHNHAN1.xlsx Nghĩa là : File dữ liệu thống kê thuốc thanh toán BHYT tháng 5 năm 2016.
 - Thống kê vật tư mẫu số 21: 21_MCSKCB_NamQTThangQT_....xlsx Ví dụ : 21_01004_201605_BENHNHAN1.xlsx Nghĩa là : File dữ liệu thống kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán BHYT tháng 5 năm 2016.
 - Thống kê vật tư mẫu số 7980a: 7980a_MCSKCB_NamQTThangQT_....xlsx Ví dụ : 7980a_01004_201605_BENHNHAN1.xlsx Nghĩa là : File dữ liệu thống kê vật tư thanh toán BHYT tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra cơ sở KCB còn cần cấu hình « Tài khoản » và « Mật khẩu » (như BHXH VN cấp) để có thể đẩy dữ liệu lên hệ thống.

3.3. Đồng bộ hồ sơ đề nghị thanh toán



Chương trình sẽ tự động thực hiện chức năng đồng bộ.

III. Chuẩn dữ liệu

1. Quy ước biểu diễn dữ liệu và đặt namespace

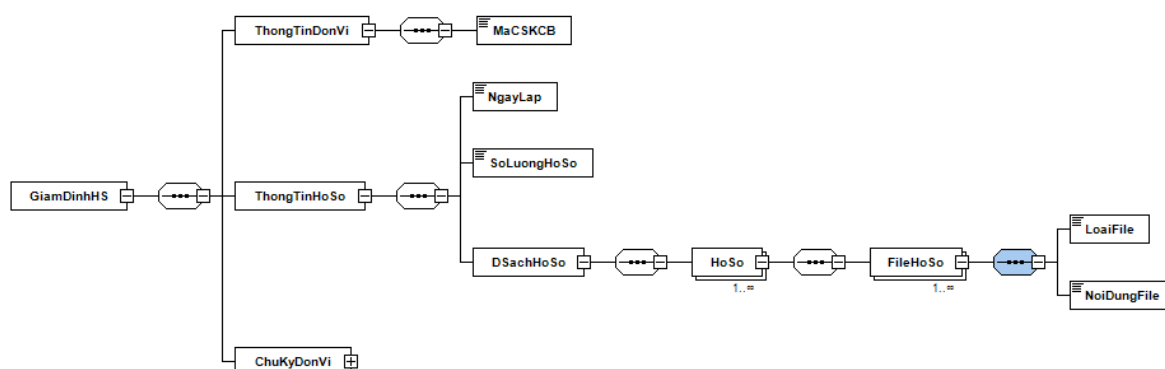
Đối với dữ liệu XML: Dữ liệu được đặt bên trong một thẻ XML (hay element theo thuật ngữ XML 1.1). Một thẻ chứa dữ liệu bên trong nó thì không chứa thẻ con nào khác và được

gọi là thẻ đơn. Thẻ phức là thẻ chỉ chứa các thẻ con và không có dữ liệu. Trong một tài liệu XML chứa dữ liệu trao đổi với hệ thống, chỉ có các thẻ đơn hoặc/và thẻ phức (Chuẩn dữ liệu: Unicode UTF8)

Đối với dữ liệu Excel: Các cột quy ước trong excel phải đúng thứ tự và tên theo quy định. Chuẩn font dữ liệu Unicode UTF8)

2. Hồ sơ khám chữa bệnh

Phần này mô tả các chuẩn XML dành cho việc đóng gói dữ liệu hồ sơ thanh toán BHYT. Để liên thông được với hệ thống tiếp nhận theo 03 hình thức tại mục II các cơ sở khám chữa bệnh BHYT phải đảm bảo kết xuất dữ liệu theo đúng chuẩn.



Ví dụ:

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<GIAMDINHHS xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
  <THONGTINDONVI>
    <MACSKCB>34314</MACSKCB>
  </THONGTINDONVI>
  <THONGTINHOSO>
    <NGAYLAP>20160603</NGAYLAP>
    <SOLUONGHOSO>1</SOLUONGHOSO>
    <DANHSACHHOSO>
      <HOSO>
        <FILEHOSO>
          <LOAIHOSO>XML1</LOAIHOSO>
          <NOIDUNGFILE>
            PFRPTkdfSE9QPg0KICA8TUFfTEs+NDI4Q
          </NOIDUNGFILE>
        </FILEHOSO>
        <FILEHOSO>
          <LOAIHOSO>XML2</LOAIHOSO>
          <NOIDUNGFILE>
            PERTQUNIX0NISV9USUVUX1RIVU9DPg0KI
          </NOIDUNGFILE>
        </FILEHOSO>
        <FILEHOSO>
          <LOAIHOSO>XML3</LOAIHOSO>
          <NOIDUNGFILE>
            PERTQUNIX0NISV9USUVUX0RWS1Q+DQogI
          </NOIDUNGFILE>
        </FILEHOSO>
      </HOSO>
    </DANHSACHHOSO>
  </THONGTINHOSO>
  <CHUKYDONVI />
</GIAMDINHHS>

```

Hệ thống sẽ phục vụ giám định cho Cơ sở KCB gửi Hồ sơ KCB, nội dung file hồ sơ khám chữa bệnh bao gồm:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	GIAMDINHHS			Thẻ tổng, bao quát toàn bộ hồ sơ
2	THONGTINDONVI			Thông tin đơn vị
3	MACSKCB	Chuỗi	5	Mã cơ sở khám chữa bệnh gửi hồ sơ, đánh mã theo quyết định số 5084/QĐ-BYT
4	THONGTINHOSO			Thẻ tổng bao thông tin hồ sơ
5	NGAYLAP	Chuỗi	8	Ngày lập hồ sơ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
6	SOLUONGHOSO	Số	6	Số lượng hồ sơ
7	DANHSACHHOSO			Thẻ bao danh sách các hồ sơ KCB
8	HOSO			Thẻ bao 1 hồ sơ, một danh sách hồ sơ có nhiều hồ sơ
9	FILEHOSO			Các File hồ sơ nằm trong bộ hồ sơ

10	LOAIHOSO	Chuỗi	4	Loại hồ sơ XML1: File tổng hợp thông tin KCB theo CV 9324 XML2: File chi tiết thuốc theo CV 9324 XML3: File chi tiết dịch vụ theo CV 9324 XML4: File chi tiết diễn biến theo CV 9324 XML5: File cận lâm sàng theo CV 9324
11	NOIDUNGFILE	Chuỗi		File hồ sơ: dạng base 64 của file hồ sơ tương ứng. Mô tả kỹ hơn trong phần IV của tài liệu
12	CHUKYDONVI			Thẻ tổng chứa chữ ký đơn vị

3. Hồ sơ báo cáo tổng hợp 79a, 80a

Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	STT	Số	10	Số thứ tự của bệnh nhân từ 1 đến hết
2	MA_BN	Chuỗi	50	Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB
3	HO_TEN	Chuỗi	255	Họ và tên của bệnh nhân viết bằng chữ thường
4	NGAY_SINH	Chuỗi	4,6 hoặc 8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Nếu không có ngày sinh thì ghi năm sinh: 4 ký tự)
5	GIOI_TINH	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
6	DIA_CHI	Chuỗi	2000	Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
7	MA_THE	Chuỗi	15-15	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm)
8	MA_DKBD	Chuỗi	chỉ 5	Mã cơ sở khám chữa bệnh mà bệnh nhân đăng ký khám chữa bệnh ban đầu, ghi đúng 5 ký tự trên thẻ BHYT

9	GT_THE_TU	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 30/04/2015 được hiển thị là 20150430
10	GT_THE_DEN	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 30/04/2015 được hiển thị là 20150430
11	MA_BENH	Chuỗi	3 đến 8	Mã bệnh chính được mã hóa theo ICD X
12	MA_BENHKHAC	Chuỗi	255	Mã bệnh khác mã hóa theo ICD X, nếu có nhiều mã ICD thì mỗi mã được phân cách bằng ký tự “;”
13	MA_LYDO_VVIEN	Chuỗi	1	Mã hóa lý do đến khám bệnh: 1=đúng tuyến; 2 = cấp cứu; 3 = trái tuyến
14	MA_NOI_CHUYEN	Chuỗi	1	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp)
15	NGAY_VAO	Chuỗi	12	Thời gian đến khám hoặc nhập viện theo ngày giờ; gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 20/06/2015 08:20 được hiển thị là 201506200820
16	NGAY_RA	Chuỗi	12	Ngày giờ ra viện; gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 20/06/2015 08:20 được hiển thị là 201506200820
17	SO_NGAY_DTRI	Số	3	Số ngày điều trị cách tính theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC
18	KET_QUA_DTRI	Số	1	Kết quả điều trị: Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỗ; 3: Không thay đổi; 4:Nặng hơn; 5: Tử vong)
19	TINH_TRANG_RV	Số	1	Tình trạng ra viện: Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
20	T_TONGCHI	Số	15	Tổng chi phí KCB BHYT trong lần/đợt điều trị đã làm tròn số đến đơn vị đồng
21	T_XN	Số	15	Tiền xét nghiệm đã làm tròn số đến đơn vị đồng
22	T_CDHA	Số	15	Tiền chuẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng đã làm tròn số đến đơn vị đồng
23	T_THUOC	Số	15	Tiền thuốc và dịch truyền đã làm tròn số đến đơn vị đồng

24	T_MAU	Số	15	Tiền máu và chế phẩm của máu đã làm tròn số đến đơn vị đồng
25	T_PTTT	Số	15	Tiền phẫu thuật và thủ thuật đã làm tròn số đến đơn vị đồng
26	T_VTYT	Số	15	Tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng
27	T_DVKT_TYLE	Số	15	Tiền dịch vụ kỹ thuật thanh toán theo tỷ lệ đã làm tròn số đến đơn vị đồng
28	T_THUOC_TYLE	Số	15	Tiền thuốc thanh toán theo tỷ lệ đã làm tròn số đến đơn vị đồng
29	T_VTYT_TYLE	Số	15	Tiền vật tư y tế thanh toán theo tỷ lệ đã làm tròn số đến đơn vị đồng
30	T_KHAM	Số	15	Tiền công khám bệnh, làm tròn đến đơn vị đồng
31	T_GIUONG	Số	15	Tiền giường, làm tròn đến đơn vị đồng
32	T_VCHUYEN	Số	15	Tiền vận chuyển đã làm tròn số đến đơn vị đồng
33	T_BNTT	Số	15	Tiền bệnh nhân thanh toán đã làm tròn số đến đơn vị đồng
34	T_BHTT	Số	15	Tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (gồm cả chi phí ngoài định suất) đã làm tròn số đến đơn vị đồng
35	T_NGOAIDS	Số	15	Tiền thanh toán ngoài định suất (không bao gồm tiền BN cùng chi trả) đã làm tròn số đến đơn vị đồng
36	MA_KHOA	Chuỗi	255	Ghi mã khoa theo quy định tại bảng 7 Quyết định số 9324/BYT-BH ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế. Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án
37	NAM_QT	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
38	THANG_QT	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
39	MA_KHUVUC	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên BHYT “K1/K2/K3” (nếu có)
40	MA_LOAIKCB	số	1	Mã hóa hình thức KCB: (1: Khám bệnh; 2: điều trị ngoại trú; 3: điều trị nội trú)
41	MA_CSKCB	Chuỗi	chỉ 5	Ghi mã cơ sở KCB theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế

4. Hồ sơ báo cáo tổng hợp mẫu 19/BHYT, 20/BHYT, 21/BHYT

4.1. Thống kê vật tư y tế thanh toán BHYT (Mẫu 19)

Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Chú thích
A	B	C	D	(F)
1	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
2	MA_VTYT	Chuỗi	50	Mã VTYT theo danh mục BHYT ban hành
3	TEN_VTYT	Chuỗi	2000	Tên VTYT theo danh mục BHYT ban hành
4	TEN_THUONGMAI	Chuỗi	2000	Tên thương mại của VTYT
5	QUY_CACH	Chuỗi	255	Ghi quy cách đóng gói của vật tư y tế (Ví dụ: 10 chiếc/hộp; 10 cái/túi)
6	DON_VI	Chuỗi	15	Đơn vị tính
7	GIA_MUA	Số	15	Đơn giá mua BHYT làm tròn đến đơn vị đồng
8	SL_NOITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
9	SL_NGOAITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
10	GIA_THANHTOAN	Số	15	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng
11	THANH_TIEN	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

4.2. Thống kê thuốc thanh toán BHYT

Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
2	MA_THUOC	Chuỗi	50	Mã thuốc theo bộ ý tế ban hành
3	TEN_HOACHAT	Chuỗi	255	Tên hoạt chất
4	TEN_THUOC	Chuỗi	255	Tên VTYT theo danh mục BHYT ban hành
5	DUONG_DUNG	Chuỗi	255	Đường dùng

6	HAM_LUONG	Chuỗi	255	Hàm lượng
7	SO_DKY	Chuỗi	15	Số đăng ký
8	DON_VI	Chuỗi	15	Đơn vị tính
9	SL_NOITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
10	SL_NGOAITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
11	DON_GIA	Số	15	Giá thanh toán của bệnh nhân
12	THANH_TIEN	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

4.3. Thống kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán BHYT

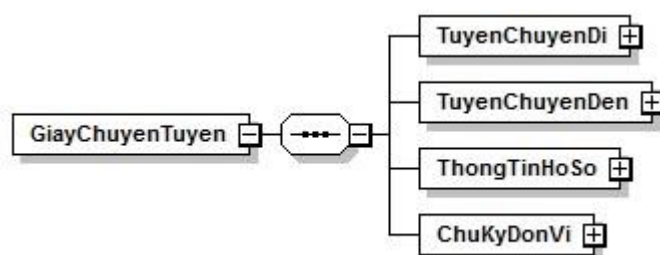
Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
2	MA_DVKT	Chuỗi	50	Mã dịch vụ kỹ thuật theo DMDC của BHYT
3	TEN_DVKT	Chuỗi	2000	Tên dịch vụ kỹ thuật
4	SL_NOITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
5	SL_NGOAITRU	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
6	DON_GIA	Số	15	Giá thanh toán của bệnh nhân
7	THANH_TIEN	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

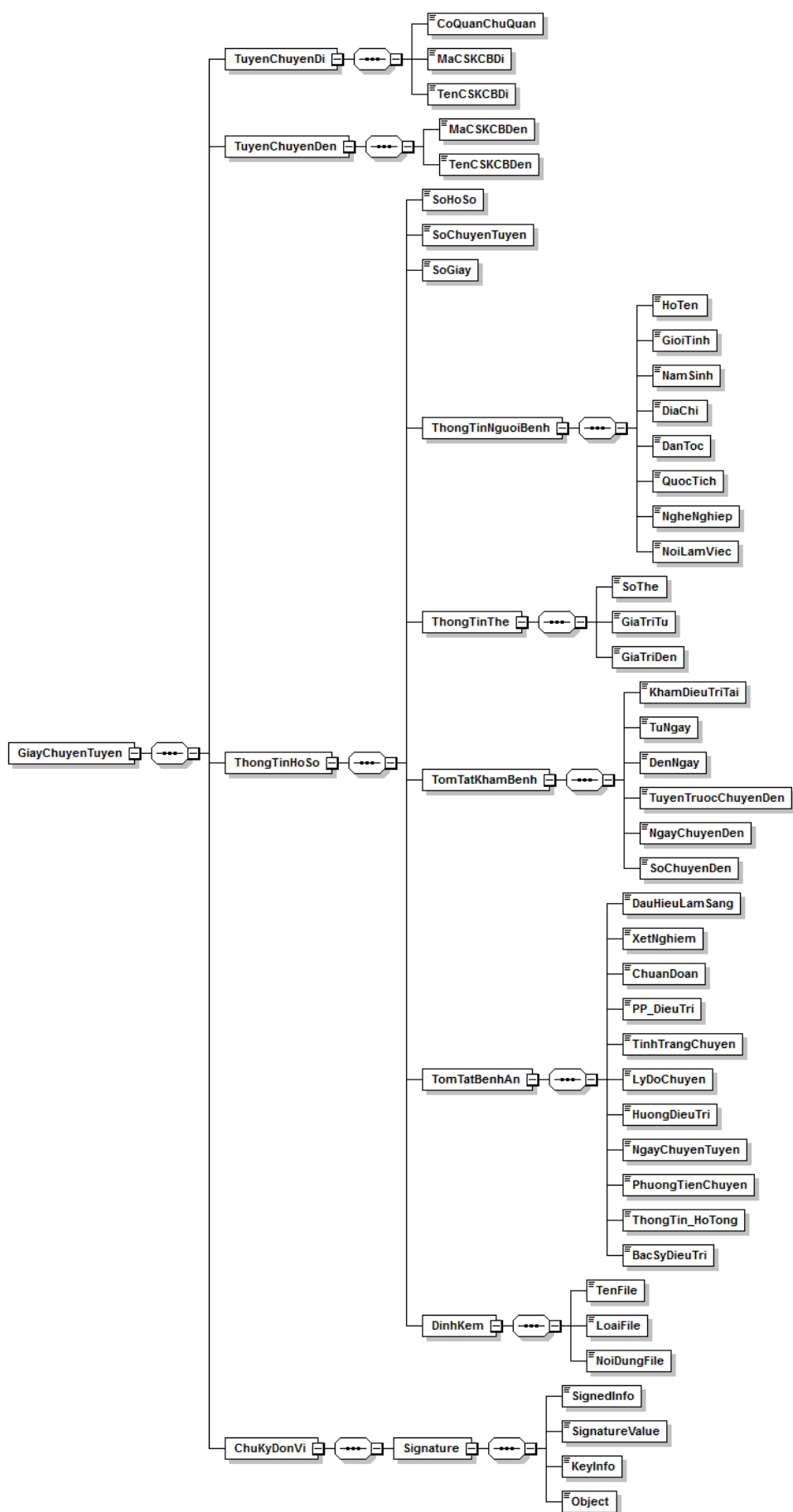
5. Giấy chuyển tuyến

5.1. Mô tả các thẻ tổng hợp chính

Phần này mô tả các chuẩn XML dành cho việc đóng gói dữ liệu chuyển tuyến phục vụ thông tuyến giữa các CSKCB. Để thực hiện được hình thức này, các CSKCB cần đảm bảo kết xuất dữ liệu đúng chuẩn như sau:

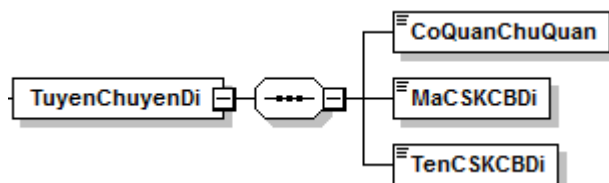


Cụ thể:

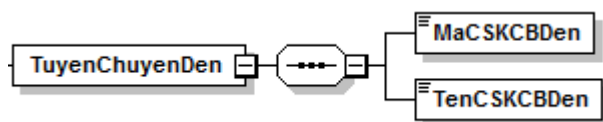


Trong đó có các thẻ thông tin chính bao gồm:

Cơ sở khám chữa bệnh gửi yêu cầu chuyển bệnh nhân:



Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận yêu cầu chuyển bệnh nhân:



File XML tổng hợp thông tin giấy chuyển tuyến mẫu:

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<GiayChuyenTuyen>
  <TuyenChuyenDi>
    <CoQuanChuQuan>...</CoQuanChuQuan>
    <MaCSKCBDi>...</MaCSKCBDi>
    <TenCSKCBDi>...</TenCSKCBDi>
  </TuyenChuyenDi>
  <TuyenChuyenDen>
    <MaCSKCBDen>...</MaCSKCBDen>
    <TenCSKCBDen>...</TenCSKCBDen>
  </TuyenChuyenDen>
  <ThongTinHoSo>
    <SoHoSo>...</SoHoSo>
    <SoChuyenTuyen>...</SoChuyenTuyen>
    <SoGiay>...</SoGiay>
    <ThongTinNguoiBenh>...</ThongTinNguoiBenh>
    <ThongTinThe>...</ThongTinThe>
    <TomTatKhamBenh>...</TomTatKhamBenh>
    <TomTatBenhAn>...</TomTatBenhAn>
    <DinhKem>...</DinhKem>
  </ThongTinHoSo>
  <ChuKyDonVi>
    <Signature>...</Signature>
  </ChuKyDonVi>
</GiayChuyenTuyen>
  
```

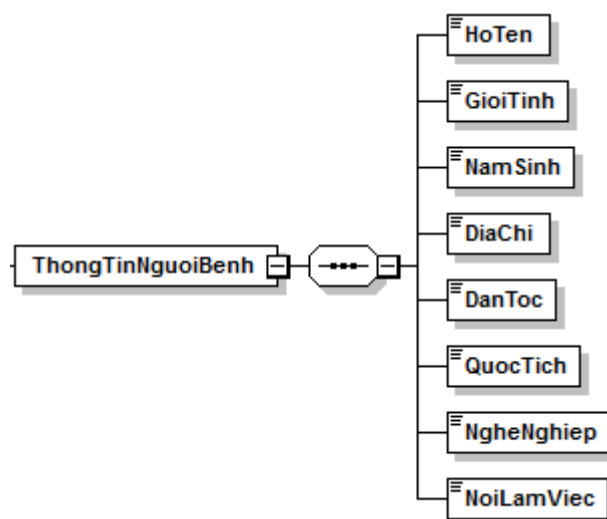
Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	GiayChuyenTuyen			Thẻ tổng, bao quát toàn bộ file
2	TuyenChuyenDi			Thẻ chứa tuyến chuyển đi
3	CoQuanChuQuan	Chuỗi	15	Mã cơ quan chủ quản
4	MaCSKCBDi	Chuỗi	15	Mã CSKCB chuyển đi
5	TenCSKCBDi	Chuỗi		Tên CSKCB chuyển đi
6	TuyenChuyenDen			Thẻ chứa tuyến chuyển đến

7	MaCSKCBDen	Chuỗi	15	Mã CSKCB chuyển đến
8	TenCSKCBDen	Chuỗi		Tên CSKCB chuyển đến
9	ThongTinHoSo			Thẻ thông tin hồ sơ
10	SoHoSo	Chuỗi		Số hồ sơ lưu trữ
11	SoChuyenTuyen	Chuỗi		Số chuyển tuyến CSKCB lưu trữ
12	SoGiay	Chuỗi		Số giấy do CSKCB lưu trữ
13	ThongTinNguoiBenh			Thẻ thông tin người bệnh
14	ThongTinThe			Thẻ thông tin thẻ BHYT
15	TomTatKhamBenh			Thẻ Tóm tắt thời gian địa điểm KCB
16	TomTatBenhAn			Thẻ Tóm tắt quá trình KCB
17	DinhKem			Thẻ chứa File cứng đính kèm của giấy chuyển tuyến
18	ChuKyDonVi			Thẻ chứa Chữ ký điện tử đơn vị
19	Signature			Thẻ chứa Nội dung chữ ký

5.2. Thông tin người bệnh

Đây là thông tin của người bệnh được gửi đi, để xác minh với các giấy tờ tùy thân khác



File XML mẫu:

```

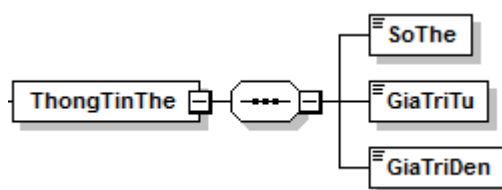
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<ThongTinNguoiBenh>
  <HoTen>...</HoTen>
  <GioiTinh>...</GioiTinh>
  <NamSinh>...</NamSinh>
  <DiaChi>...</DiaChi>
  <DanToc>...</DanToc>
  <QuocTich>...</QuocTich>
  <NgheNghiep>...</NgheNghiep>
  <NoiLamViec>...</NoiLamViec>
</ThongTinNguoiBenh>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	ThongTinNguoiBenh			Thẻ chứa thông tin người bệnh
2	HoTen	Chuỗi		Họ tên người bệnh
3	GioiTinh	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
4	NamSinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	DiaChi	Chuỗi		Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
6	DanToc			Dân tộc
7	QuocTich	Chuỗi		Quốc tịch
8	Nghenghiep	Chuỗi		Nghề nghiệp
9	NoiLamViec			Nơi làm việc

5.3. Thông tin thẻ bảo hiểm y tế

Mô tả thông tin thẻ BHYT tương ứng với bệnh nhân khi chuyển tuyến



File XML mẫu:

```

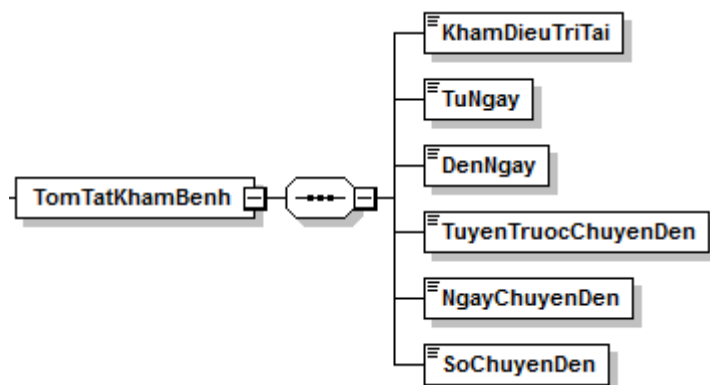
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<ThongTinThe>
  <SoThe>...</SoThe>
  <GiaTriTu>...</GiaTriTu>
  <GiaTriDen>...</GiaTriDen>
</ThongTinThe>
  
```

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	ThongTinThe			Thẻ chứa thông tin thẻ người bệnh
2	SoThe	Chuỗi		Số thẻ BHYT
3	GiaTriTu	Chuỗi	8	Giá trị hiệu lực từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
4	GiaTriDen	Chuỗi	8	Giá trị hiệu lực đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)

5.4. Tóm tắt lịch sử khám chữa bệnh

Đây là thẻ tổng kết lại các thông tin khám chữa bệnh tại CSKCB trước khi chuyển đi.



File XML mẫu

```

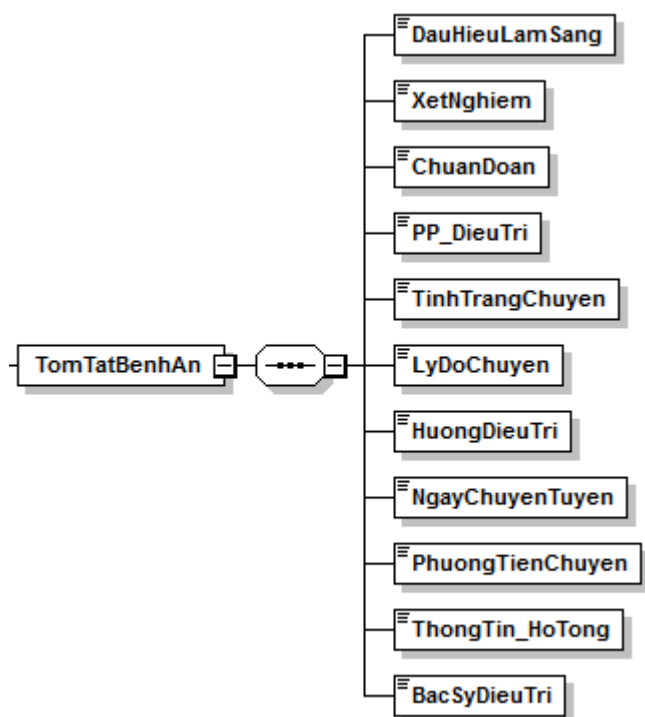
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<TomTatKhamBenh>
  <KhamDieuTriTai>...</KhamDieuTriTai>
  <TuNgay>...</TuNgay>
  <DenNgay>...</DenNgay>
  <TuyenTruocChuyenDen>...</TuyenTruocChuyenDen>
  <NgayChuyenDen>...</NgayChuyenDen>
  <SoChuyenDen>...</SoChuyenDen>
</TomTatKhamBenh>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	TomTatKhamBenh			Thẻ chứa thông tin khám bệnh
2	KhamDieuTriTai	Chuỗi		Tên cơ sở khám chữa bệnh
3	TuNgay	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
4	DenNgay	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	TuyenTruocChuyenDen			Tên tuyến trước khi chuyển đến
6	NgayChuyenDen	Chuỗi	8	Ngày chuyển đến, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
7	SoChuyenDen	Chuỗi		Số giấy chuyển đến

5.5. Tóm tắt bệnh án

Đây là thẻ mô tả bệnh án và quá trình chuẩn đoán điều trị tại CSKCB trước khi chuyển tuyến khác.



File XML mẫu

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<TomTatBenhAn>
  <DauHieuLamSang>...</DauHieuLamSang>
  <XetNghiem>...</XetNghiem>
  <ChuanDoan>...</ChuanDoan>
  <PP_DieuTri>...</PP_DieuTri>
  <TinhTrangChuyen>...</TinhTrangChuyen>
  <LyDoChuyen>...</LyDoChuyen>
  <HuongDieuTri>...</HuongDieuTri>
  <NgayChuyenTuyen>...</NgayChuyenTuyen>
  <PhuongTienChuyen>...</PhuongTienChuyen>
  <ThongTin_HoTong>...</ThongTin_HoTong>
  <BacSyDieuTri>...</BacSyDieuTri>
</TomTatBenhAn>
  
```

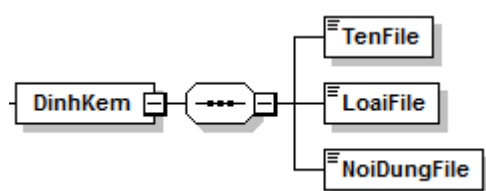
Mô tả chi tiết

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	TomTatBenhAn			Thẻ tóm tắt bệnh án
2	DauHieuLamSang	Chuỗi		Dấu hiệu lâm sàng
3	XetNghiem	Chuỗi		Kết quả xét nghiệm
4	ChuanDoan	Chuỗi		Kết quả chuẩn đoán
5	PP_DieuTri	Chuỗi		Phương pháp điều trị
6	TinhTrangChuyen	Chuỗi		Tình trạng trước khi chuyển

7	LyDoChuyen	Chuỗi		Lý do chuyển
8	HuongDieuTri	Chuỗi		Hướng điều trị
9	NgayChuyenTuyen	Chuỗi	8	Ngày chuyển tuyến, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
10	PhuongTienChuyen	Chuỗi		Phương tuyến chuyển
11	ThongTin_HoTong	Chuỗi		Thông tin người hộ tổng
12	BacSyDieuTri	Chuỗi		Bác sỹ điều trị

5.6. File đính kèm

File đính kèm là file gốc có chữ ký bác sỹ và đồng ý của người có trách nhiệm tại CSKCB trước khi chuyển tuyến



File XML mẫu

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DinhKem>
  <TenFile>...</TenFile>
  <LoaiFile>...</LoaiFile>
  <NoiDungFile>...</NoiDungFile>
</DinhKem>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	DinhKem			Thẻ chứa thông tin file đính kèm
2	TenFile	Chuỗi		Tên file đính kèm
3	LoaiFile	Chuỗi		Loại file: PDF, JPG
4	NoiDungFile	Chuỗi		String base64 của nội dung file

6. Hồ sơ danh mục

6.1. File hồ sơ danh mục DVKT CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng	Chú thích
(A)	(B)	(C)	(E)
1	STT	Số	Số thứ tự từ 1 đến hết
2	MA_DVKT	Chuỗi	MA_DVKT được ghi theo hướng dẫn ghi mã và tên DVKT

3	TEN_DVKT	Chuỗi	Ghi tên dịch vụ kỹ thuật tương ứng với các trường hợp theo hướng dẫn ghi mã và tên DVKT
4	MA_GIA	Chuỗi	Chỉ ghi trong trường hợp dịch vụ kỹ thuật chưa được xếp tương đương; theo hướng dẫn ghi mã giá
5	DON_GIA	Số	Ghi đơn giá dịch vụ kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt
6	QUYET_DINH	Chuỗi	Ghi số quyết định phê duyệt danh mục DVKT thực hiện tại cơ sở KCB
7	CONG_BO	Chuỗi	Ghi ngày Quyết định phê duyệt danh mục DVKT có hiệu lực, gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Ví dụ: ngày 01/03/2015 được hiển thị là: 20150301)
8	MA_COSOKCB	Chuỗi	Mã cơ sở KCB gồm 5 ký tự, do cơ quan BHXH cấp

6.2. File hồ sơ danh mục Thuốc CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng	Chú thích
(A)	(B)	(C)	(E)
1	STT	Số	STT của thuốc ghi từ 1 đến hết
2	MA_HOAT_CHAT	Chuỗi	Ghi mã hoạt chất theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 CV 908 BYT-BH.
3	HOAT_CHAT	Chuỗi	Ghi tên hoạt chất hoặc thành phần của thuốc theo kết quả trúng thầu. - Đối với các thuốc đa chất thì ghi lần lượt từng tên hoạt chất, giữa các hoạt chất cách nhau bằng dấu cộng “+” - Đối với chế phẩm thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, các thành phần của thuốc cách nhau bằng dấu phẩy “,” - Đối với Thuốc Phóng xạ hoặc Vị thuốc y học cổ truyền thì để trống
4	MA_DUONG_DUNG	Chuỗi	Ghi mã đường dùng theo Bảng 3, Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT
5	DUONG_DUNG	Chuỗi	Ghi đường dùng theo Bảng 3, Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Công văn số 5084/QĐ-BYT
6	HAM_LUONG	Chuỗi	Ghi hàm lượng và đơn vị hàm lượng của thuốc theo kết quả trúng thầu. Đối với các thuốc đa chất thì ghi hàm lượng tương ứng với từng hoạt chất/thành phần tại trường số 3, giữa các hàm lượng cách nhau bằng dấu “+”
7	TEN_THUOC	Chuỗi	Ghi tên thuốc theo kết quả trúng thầu
8	SO_DANG_KY	Chuỗi	Ghi mã số đăng ký theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 CV 908 BYT-BH.
9	DONG_GOI	Chuỗi	Ghi dạng đóng gói của thuốc

10	DON_VI_TINH	Chuỗi	Ghi đơn vị tính nhỏ nhất (Ví dụ: viên, gói, lọ, tube, hộp, gam)
11	DON_GIA	Số	Ghi đơn giá của thuốc trúng thầu (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)
12	DON_GIA_TT	Số	Ghi đơn giá bảo hiểm y tế thanh toán (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất)
13	SO_LUONG	Số	Ghi số lượng thuốc trúng thầu
14	MA_CSKCB	Chuỗi	Ghi mã cơ sở KCB theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế
15	HANG_SX	Chuỗi	Ghi tên hãng sản xuất
16	NUOC_SX	Chuỗi	Ghi tên nước sản xuất
17	NHA_THAU	Chuỗi	Ghi tên đơn vị trúng thầu
18	QUYET_DINH	Chuỗi	Ghi số quyết định trúng thầu
19	CONG_BO	Chuỗi	Ghi ngày áp dụng kết quả trúng thầu, gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Ví dụ: ngày 05/04/2015 được hiển thị là: 20150405)
20	MA_THUOC_BV	Chuỗi	Ghi mã thuốc trong phần mềm sử dụng tại cơ sở KCB.
21	LOAI_THUOC	Số	1: Tân dược; 2: Chế phẩm YHCT; 3: Vị thuốc YHCT; 4: Phóng xạ;
22	LOAI_THAU	Số	1: Thầu tập trung; 2: Thầu riêng tại BV;
23	NHOM_THAU	Chuỗi	Nhóm thầu theo quy định BHYT

6.3. File hồ sơ danh mục VTYT CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng	Chú thích
(A)	(B)	(C)	(E)
1	STT	Số	Số thứ tự từ 1 đến hết
2	MA_NHOM_VTYT	Chuỗi	Ghi mã nhóm vật tư y tế theo quy định tại cột 3 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn 908/BYT-BH
3	TEN_NHOM_VTYT	Chuỗi	Ghi tên nhóm vật tư y tế theo quy định tại cột 4 của Phụ lục 5 ban hành kèm theo Công văn 908/BYT-BH
4	MA_HIEU	Chuỗi	Ghi mã hiệu sản phẩm in trên bao bì hoặc trên sản phẩm do nhà sản xuất đặt
5	MA_VTYT_BV	Chuỗi	Ghi mã vật tư y tế trong phần mềm sử dụng tại bệnh viện
6	TEN_VTYT_BV	Chuỗi	Ghi tên vật tư y tế đang được thanh toán cho bệnh nhân tại phần mềm bệnh viện
7	QUY_CACH	Chuỗi	Ghi quy cách đóng gói của vật tư y tế (Ví dụ: 10 chiếc/hộp; 10 cái/túi)

8	NUOC_SX	Chuỗi	Ghi tên nước sản xuất
9	HANG_SX	Chuỗi	Ghi tên hãng sản xuất
10	DON_VI_TINH	Chuỗi	Ghi đơn vị tính nhỏ nhất
11	DON_GIA	Số	Ghi đơn giá vật tư y tế trúng thầu
12	DON_GIA_TT	Số	Ghi đơn giá vật tư y tế thanh toán BHYT
13	NHA_THAU	Chuỗi	Ghi tên đơn vị trúng thầu
14	QUYET_DINH	Chuỗi	Ghi số Quyết định trúng thầu
15	CONG_BO	Chuỗi	Ghi ngày áp dụng kết quả trúng thầu, gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Ví dụ: ngày 05/04/2015 được hiển thị là: 20150405)
16	DINH_MUC	Số	Ghi định mức sử dụng cho từng loại vật tư (nếu có) (Ví dụ: quả lọc thận nhân tạo sử dụng 06 lần ghi 6,00)
17	SO_LUONG	Số	Ghi số lượng vật tư y tế trúng thầu
18	MA_CSKCB	Chuỗi	Ghi mã cơ sở KCB theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 5084/QĐ-BYT của Bộ Y tế
19	LOAI_THAU	Số	1: Thầu tập trung; 2: Thầu riêng tại BV;

IV. Mô tả định dạng các file XML theo quy định tại công văn 9324/BYT-BH, được mã hóa thành nội dung file kèm theo file XML tại mục III.2

1. File hồ sơ tổng hợp thông tin bệnh nhân (XML1)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8" ?>
<TONG_HOP>
  <MA_LK>...</MA_LK>
  <STT>...</STT>
  <MA_BN>...</MA_BN>
  <HO_TEN><![CDATA[...]]></HO_TEN>
  <NGAY_SINH>...</NGAY_SINH>
  <GIOI_TINH>...</GIOI_TINH>
  <DIA_CHI><![CDATA[...]]></DIA_CHI>
  <MA_THE>...</MA_THE>
  <MA_DKBD>...</MA_DKBD>
  <GT_THE_TU>...</GT_THE_TU>
  <GT_THE_DEN>...</GT_THE_DEN>
  <TEN_BENH><![CDATA[...]]></TEN_BENH>
  <MA_BENH>...</MA_BENH>
  <MA_BENHKHAC>...</MA_BENHKHAC>
  <MA_LYDO_VVIEN>...</MA_LYDO_VVIEN>
  <MA_NOI_CHUYEN>...</MA_NOI_CHUYEN>
  <MA_TAI_NAN>...</MA_TAI_NAN>
  <NGAY_VAO>...</NGAY_VAO>
  <NGAY_RA>...</NGAY_RA>
  <SO_NGAY_DTRI>...</SO_NGAY_DTRI>
  <KET_QUA_DTRI></KET_QUA_DTRI>
  <TINGH_TRANG_RV>...</TINGH_TRANG_RV>
  <NGAY_TTOAN>...</NGAY_TTOAN>
  <MUC_HUONG>...</MUC_HUONG>
  <T_THUOC>...</T_THUOC>
  <T_VTYT>...</T_VTYT>
  <T_TONGCHI>...</T_TONGCHI>
  <T_BNTT>...</T_BNTT>
  <T_BHTT>...</T_BHTT>
  <T_NGUONKHAC>...</T_NGUONKHAC>
  <T_NGOAIDS>...</T_NGOAIDS>
  <NAM_QT>...</NAM_QT>
  <THANG_QT>...</THANG_QT>
  <MA_LOAI_KCB>...</MA_LOAI_KCB>
  <MA_KHOA>...</MA_KHOA>
  <MA_CSKCB>...</MA_CSKCB>
  <MA_KHUVUC>...</MA_KHUVUC>
  <MA_PTTT_QT>...</MA_PTTT_QT>
  <CAN_NANG>...</CAN_NANG>
```

</ TONG_HOP>

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	MA_LK	Chuỗi	100	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (bảng 1) và các bảng chi tiết (bảng 2 đến bảng 5) trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY).
2	STT	Số	10	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	MA_BN	Chuỗi	15	Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB
4	HO_TEN	Chuỗi	255	Họ và tên của bệnh nhân viết bằng chữ thường . Thêm thẻ <![CDATA[HO_TEN]]>
5	NGAY_SINH	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì ghi năm sinh: 4 ký tự)
6	GIOI_TINH	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
7	DIA_CHI	Chuỗi	500	Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế. thêm thẻ <![CDATA[dia_chi]]>
8	MA_THE	Chuỗi	15	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm)
9	MA_DKBD	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT
10	GT_THE_TU	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày

11	GT_THE_DEN	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
12	TEN_BENH	Chuỗi	255	Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra viện. thêm thẻ <![CDATA[ten_benh]]>
13	MA_BENH	Chuỗi	5	Mã bệnh chính theo ICD 10
14	MA_BENHKHAC	Chuỗi	255	Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;)
15	MA_LYDO_VVIEN	Số	1	Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến)
16	MA_NOI_CHUYEN	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp)
17	MA_TAI_NAN	Số	1	Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích)
18	NGAY_VAO	Chuỗi	12	Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
19	NGAY_RA	Chuỗi	12	Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920
20	SO_NGAY_DTRI	Số	3	số ngày điều trị
21	KET_QUA_DTRI	Số	1	Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong)
22	TINH_TRANG_RV	Số	1	Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
23	NGAY_TTOAN	Chuỗi	12	Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút

24	MUC_HUONG	Số	3	Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng * tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện)
25	T_THUOC	Số	15	Tiền thuốc và dịch truyền đã làm tròn số đến đơn vị đồng, là tổng thành tiền file XML2 sau khi làm tròn
26	T_VTYT	Số	15	Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng, là tổng thành tiền file XML3 sau khi làm tròn
27	T_TONGCHI	Số	15	Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị
28	T_BNTT	Số	15	Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số
29	T_BHTT	Số	15	Số tiền đề nghị BHXH thanh toán
30	T_NGUONKHAC	Số	15	Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ
31	T_NGOAIDS	Số	15	Chi phí ngoài định suất (không bao gồm tiền BN cùng chi trả)
32	NAM_QT	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
33	THANG_QT	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
34	MA_LOAI_KCB	Số	1	Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú)
35	MA_KHOA	Chuỗi	3	Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án
36	MA_CSKCB	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp)
37	MA_KHUVUC	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3"

38	MA_PTTT_QT	Chuỗi	255	Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)
39	CAN_NANG	Số	5	Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em dưới 1 tuổi. Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện. Số thập phân, dấu thập phân là dấu chấm (.). Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5.75 là 5.75 kg)

2. File hồ sơ chi tiết Thuốc (XML2)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_THUOC>
  <CHI_TIET_THUOC>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_THUOC>...</MA_THUOC>
    <MA_NHOM>...</MA_NHOM>
    <TEN_THUOC><![CDATA[...]]></TEN_THUOC>
    <DON_VI_TINH>...</DON_VI_TINH>
    <HAM_LUONG><![CDATA[...]]></HAM_LUONG>
    <DUONG_DUNG>...</DUONG_DUNG>
    <LIEU_DUNG><![CDATA[...]]></LIEU_DUNG>
    <SO_DANG_KY>...</SO_DANG_KY>
    <SO_LUONG>...</SO_LUONG>
    <DON_GIA>...</DON_GIA>
    <TYLE_TT>...</TYLE_TT>
    <THANH_TIEN>...</THANH_TIEN>
    <MA_KHOA>...</MA_KHOA>
    <MA_BAC_SI>...</MA_BAC_SI>
    <MA_BENH>...</MA_BENH>
    <NGAY_YL>...</NGAY_YL>
    <MA_PTTT>...</MA_PTTT>
  </CHI_TIET_THUOC>
</DSACH_CHI_TIET_THUOC>
```

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	MA_LK	Chuỗi	100	Mã đợt điều trị duy nhất (Dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu

3	MA_THUOC	Chuỗi	50	Mã thuốc theo mã quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
4	MA_NHOM	Chuỗi	4	Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6
5	TEN_THUOC	Chuỗi	255	Tên thuốc ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố. thêm thẻ <![CDATA[TEN_THUOC]]>
6	DON_VI_TINH	Chuỗi	50	Đơn vị tính ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
7	HAM_LUONG	Chuỗi	255	Hàm lượng ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố. Thêm thẻ <![CDATA[HAM_LUONG]]>
8	DUONG_DUNG	Chuỗi	50	Đường dùng ghi theo mã quy định tại bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
9	LIEU_DUNG	Chuỗi	255	Liều dùng trong ngày
10	SO_DANG_KY	Chuỗi	255	Số đăng ký của thuốc theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
11	SO_LUONG	Số	5	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân
12	DON_GIA	Số	15	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến 2 chữ số thập phân
13	TYLE_TT	Số	3	Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với thuốc có quy định tỷ lệ (%); Số nguyên dương. Đối với thuốc không áp dụng tỉ lệ thì ghi 100
14	THANH_TIEN	Số	15	= so_luong * don_gia * tyle_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến 2 chữ số thập phân)
15	MA_KHOA	Chuỗi	15	Mã khoa bệnh nhân được chỉ định sử dụng thuốc (tham chiếu phụ lục Bảng 7)
16	MA_BAC_SI	Chuỗi	255	Mã hóa theo số chứng chỉ hành nghề của người chỉ định
17	MA_BENH	Chuỗi	255	Mã bệnh chính; nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;)
18	NGAY_YL	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHH:mm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút). Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
19	MA_PTTT	Số	1	Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG)

3. File hồ sơ chi tiết DVKT (XML3)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_DVKT>
  <CHI_TIET_DVKT>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_DICH_VU>...</MA_DICH_VU>
    <MA_VAT_TU>...</MA_VAT_TU>
    <MA_NHOM>...</MA_NHOM>
    <TEN_DICH_VU><![CDATA[...]]></TEN_DICH_VU>
    <DON_VI_TINH>...</DON_VI_TINH>
    <SO_LUONG>...</SO_LUONG>
    <DON_GIA>...</DON_GIA>
    <TYLE_TT>...</TYLE_TT>
    <THANH_TIEN>...</THANH_TIEN>
    <MA_KHOA>...</MA_KHOA>
    <MA_BAC_SI>...</MA_BAC_SI>
    <MA_BENH>...</MA_BENH>
    <NGAY_YL>...</NGAY_YL>
    <NGAY_KQ>...</NGAY_KQ>
    <MA_PTTT>...</MA_PTTT>
  </CHI_TIET_DVKT>
</DSACH_CHI_TIET_DVKT>
```

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	MA_LK	Chuỗi	100	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	MA_DICH_VU	Chuỗi	15	Mã dịch vụ quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
4	MA_VAT_TU	Chuỗi	255	Mã vật tư sử dụng quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế, chỉ ghi các vật tư chưa có trong cơ cấu giá dịch vụ
5	MA_NHOM	Chuỗi	4	Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6
6	TEN_DICH_VU	Chuỗi	255	Tên dịch vụ. Thêm thẻ: <![CDATA[TEN_DICH_VU]]>. Trường hợp là Vật tư y tế thì ghi tên Vật tư

				y tế
7	DON_VI_TINH	Chuỗi	50	Đơn vị tính
8	SO_LUONG	Số	5	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân, phân cách dùng dấu “.”
9	DON_GIA	Số	15	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng
10	TYLE_TT	Số	3	Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế có quy định (tỷ lệ %; Số nguyên dương). Đối với thuốc không áp dụng tỉ lệ thì ghi 100
11	THANH_TIEN	Số	15	= so_luong * don_gia * tyle_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến đơn vị đồng)
12	MA_KHOA	Chuỗi	3	Mã khoa nơi phát sinh dịch vụ (tham chiếu phụ lục Bảng 7)
13	MA_BAC_SI	Chuỗi	15	Bác sỹ khám và chỉ định (mã hóa theo số giấy phép hành nghề)
14	MA_BENH	Chuỗi	255	Mã bệnh chính (theo ICD 10) được bác sỹ chẩn đoán, nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;)
15	NGAY_YL	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút). Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
16	NGAY_KQ	Chuỗi	12	Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút). Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
17	MA_PTTT	Số	1	Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG)

4. File hồ sơ cận lâm sàng (XML4)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
```



```

<DSACH_CHI_TIET_CLS>
  <CHI_TIET_CLS>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_DICH_VU>...</MA_DICH_VU>
    <MA_CHI_SO>...</MA_CHI_SO>
    <TEN_CHI_SO><![CDATA[...]]></TEN_CHI_SO>
    <GIA_TRI><![CDATA[...]]></GIA_TRI>
    <MA_MAY>...</MA_MAY>
    <MO_TA><![CDATA[...]]></MO_TA>
    <KET_LUAN><![CDATA[...]]></KET_LUAN>
    <NGAY_KQ>...</NGAY_KQ>
  </CHI_TIET_CLS>
</DSACH_CHI_TIET_CLS>

```

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	MA_LK	Chuỗi	100	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	STT	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	MA_DICH_VU	Chuỗi	15	Mã dịch vụ kỹ thuật CLS
4	MA_CHI_SO	Chuỗi	50	Mã chỉ số xét nghiệm
5	TEN_CHI_SO	Chuỗi	255	Tên chỉ số xét nghiệm. Thêm thẻ: <![CDATA[TEN_CHI_SO]]>
6	GIA_TRI	Chuỗi	50	Giá trị chỉ số (kết quả xét nghiệm). Thêm thẻ: <![CDATA[GIA_TRI]]>
7	MA_MAY	Chuỗi	50	Mã danh mục máy CLS (máy XN, máy XQ, siêu âm...)
8	MO_TA	Chuỗi		Mô tả do người đọc kết quả ghi. Thêm thẻ: <![CDATA[MO_TA]]>
9	KET_LUAN	Chuỗi		Kết luận của người đọc kết quả. Thêm thẻ: <![CDATA[KET_LUAN]]>
10	NGAY_KQ	Chuỗi	12	Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút). Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

5. File hồ sơ chi tiết diễn biến (XML5)

Cấu trúc file XML :

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
```

```

<DSACH_CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
  <CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <DIEN_BIEN><![CDATA[...]]></DIEN_BIEN>
    <HOI_CHAN><![CDATA[...]]></HOI_CHAN>
    <PHAU_THUAT><![CDATA[...]]></PHAU_THUAT>
    <NGAY_YL>...</NGAY_YL>
  </CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
</DSACH_CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>

```

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Bắt buộc	Diễn giải
1	MA_LK	Chuỗi	15	x	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	STT	Số	3		Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	DIEN_BIEN	Chuỗi		x	Ghi diễn biến bệnh trong lần khám Thêm thẻ: <![CDATA[DIEN_BIEN]]>
4	HOI_CHAN	Chuỗi			Ghi kết quả hội chẩn (nếu có) Thêm thẻ: <![CDATA[HOI_CHAN]]>
5	PHAU_THUAT	Chuỗi			Mô tả cách thức phẫu thuật Thêm thẻ: <![CDATA[PHAU_THUAT]]>
6	NGAY_YL	Chuỗi	12		Ngày ra y lệnh (gồm 13 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

Phụ lục 1: Danh mục lỗi

TT	Mã lỗi	Nội dung lỗi
1	201	Định dạng xml không đúng
2	202	Nội dung XML không đúng
3	204	File XML không có nội dung
4	401	Lỗi xác thực
5	408	Request TimeOut
6	500	Lỗi server

Phụ lục 2: Code mẫu cho Webservice

1. Ví dụ lấy phiên làm việc

```
client.BaseAddress = new Uri("http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/");
client.DefaultRequestHeaders.Accept.Clear();
client.DefaultRequestHeaders.Accept.Add(new MediaTypeWithQualityHeaderValue("application/json"));
string username = "test";
string password = "25D55AD283AA400AF464C76D713C07AD";
// HTTP POST
ApiToken input = new ApiToken { username = username, password = password };
var values = new Dictionary<string, string>
{
    { "username", username },
    { "password", password }
};
var content = new FormUrlEncodedContent(values);
HttpResponseMessage response = client.PostAsync("api/token/take", content).Result;
```

2. Ví dụ gửi hồ sơ giám định

```
clientPush.BaseAddress = new Uri("http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/");
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Clear();
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Add(new MediaTypeWithQualityHeaderValue("application/json"));
FileInfo f = new FileInfo(@"test023.xml");
byte[] buffer = null;
using (FileStream fs = f.OpenRead())
{
    using (var memoryStream = new MemoryStream())
    {
        fs.CopyTo(memoryStream);
        buffer = memoryStream.ToArray();
    }
}
clientPush.MaxResponseContentBufferSize = 2000005000;
// HTTP POST
string data2 = string.Format("token={0}&id_token={1}&username={2}&password={3}&loaiHoSo={4}&maTinh={5}&maCSKCB={6}",
    key.access_token, key.id_token, username, password, loaiHoSo, maTinh, maCSKCB);
HttpResponseMessage response2 = clientPush.PostAsJsonAsync("api/egw/guiHoSoGiamDinh?"
    + data2, buffer).Result;
```

3. Ví dụ gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo tháng

Tương tự với việc gửi hồ sơ giám định

Phụ lục 4: Mô tả đối tượng trả về của Web Service**Đối tượng lịch sử KCB của bệnh nhân**

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	stt	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
2	ma_bn	Chuỗi	15	Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB
3	ho_ten	Chuỗi		Họ và tên người bệnh
4	ngay_sinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	gioi_tinh	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
6	dia_chi	Chuỗi		Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
7	ma_the	Chuỗi	15	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm.
				VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm)
8	ma_dkbd	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT
9	gt_the_tu	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
10	gt_the_den	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
11	ten_benh	Chuỗi		Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra viện
12	ma_benh	Chuỗi	5	Mã bệnh chính theo ICD 10
13	ma_benhkhac	Chuỗi		Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;)
14	ma_lydo_vvien	Số	1	Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến)
15	ma_noi_chuyen	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp)
16	ma_tai_nan	Số	1	Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích)
17	ngay_vao	Chuỗi	12	Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút
				Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị

				là: 201503311520
18	ngay_ra	Chuỗi	12	Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920
19	so_ngay_dtri	Số	3	Số ngày điều trị thực tế
20	ket_qua_dtri	Số	1	Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong)
21	tin_h_trang_rv	Số	1	Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
22	ngay_ttoan	Chuỗi	12	Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút
23	muc_huong	Số	3	Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng * tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện)
24	t_thuoc	Số	15	Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng
25	t_vtyt	Số	15	Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng
26	t_tongchi	Số	15	Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị
27	t_bntt	Số	15	Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số
28	t_bhntt	Số	15	Số tiền đề nghị BHXH thanh toán
29	t_nguonkhac	Số	15	Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ
30	t_ngoaidis	Số	15	Chi phí ngoài định suất
31	nam_qt	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
32	thang_qt	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
33	ma_loai_kcb	Số	1	Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú)
34	ma_khoa	Chuỗi	3	Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án
35	ma_cskcb	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp)
36	ma_khuvuc	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3"
37	ma_pttt_qt	Chuỗi		Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;))
38	can_nang	Số	5	Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em

				dưới 1 tuổi.
				Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện
				Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (.)
				Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg)
39	trang_thai	Số	1	0: Chưa giám định. 1: Không giám định. 2: Chấp nhận. 3: Điều chỉnh. 4: Xuất toán
40	mieu_ta	Chuỗi		Miêu tả
41	xuat_toan	Số		Số tiền xuất toán